TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2023/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 673/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Vợ chồng bà tự tìm hiểu đi đến kết hôn năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng có người phụ nữ khác, thường cãi nhau, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Nay thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Lê Tr, sinh ngày 11/9/2012, Trần

Lê Tr1, sinh ngày 08/6/2020. Hiện 02 con chung đang chung sống với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn U được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông U vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ H đối với ông Trần Văn U.

- Bà Lê Thị Mỹ H được tiếp tục chăm sóc 02 con chung Trần Lê Tr, sinh ngày 11/9/2012, Trần Lê Tr1, sinh ngày 08/6/2020, ông Trần Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U, ông U có nơi cư trú ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Trần Văn U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U là có căn cứ.

[3] Bà Lê Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U, bà H và ông U có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà H trình bày, vợ chồng sống hạnh đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng có người phụ nữ khác, thường cãi nhau, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà H yêu cầu ly hôn và triệu tập ông U tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông U vẫn vắng mặt và không có ý kiến

phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông U đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông U có người phụ nữ khác nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà Hoa xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê Tr, sinh ngày 11/9/2012, Trần Lê Tr1, sinh ngày 08/6/2020, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Tòa án ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Lê Tr muốn sống chung với mẹ là bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông U cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà H. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Trần Lê Tr muốn sống cùng bà H. Do đó, để bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H đối với ông Trần Văn U.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195/KH, ngày 01 tháng 9 năm 2016 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần Văn U không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Mỹ H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Trần Lê Tr, sinh ngày 11/9/2012, Trần Lê Tr1, sinh ngày 08/6/2020. Ông Trần Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Lê Thị Mỹ H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần Văn U phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà Lê Thị Mỹ H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0014256 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2023. Bà Lê Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư